

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN
HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

NĂM.....

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

S T T	Các xã, phường, thị trấn	Ước thực hiện dự toán năm nay					Dự toán năm sau					
		Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	
1-	Xã A											
2-	Phường B											
..											
	Tổng số											

1. Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện:..... hộ
2. Tổng kinh phí (Viết bằng chữ):..... ngàn đồng.

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN
HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
NĂM.....**

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

S T T	Các huyện, quận, thị xã, thành phố	Ước thực hiện dự toán năm nay					Dự toán năm sau				
		Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1-	Huyện A										
2-	Huyện B										
..										
	Tổng số										

1. Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện:..... hộ
2. Tổng kinh phí (Viết bằng chữ):..... ngàn đồng.
Trong đó:
 - Ngân sách Trung ương.....ngàn đồng.
 - Ngân sách địa phương.....ngàn đồng.

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN
HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
NĂM.....**

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

S T T	Các tỉnh, thành phố	Ước thực hiện dự toán năm nay				Dự toán năm sau					
		Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1-	Tỉnh A										
2-	Thành phố B										
..										
	Tổng số										

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện:..... hộ
- Tổng kinh phí (Viết bằng chữ):..... ngàn đồng.
Trong đó:
 - Ngân sách Trung ương.....ngàn đồng.
 - Ngân sách địa phương.....ngàn đồng.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm
BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
 UBND HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ.....
 UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.....

MẪU SỐ 04-CT/HTTĐ

DANH SÁCH CÁC HỘ NGHÈO, HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NHẬN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN

Quý Năm.....

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (thôn, ấp, bản)	Số người/hộ	Mức hỗ trợ (1.000 đ/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ký nhận, Ghi rõ họ và tên
							Kỳ này	Kỳ trước	
A	B	1	2	3	4	5=3*4	6	7	8
I-	Hộ nghèo								
1-	Nguyễn Văn A								
...								
II-	Hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)								
1-	Lê Thị B								
...								
III-	Hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)								
1-	Trần Ngọc C								
...								
		Tổng số							

Tổng số lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện đã nhận tiền: hộ. Trong đó: Số hộ đã nhận tiền kỳ này: hộ; Số hộ nhận tiền các kỳ trước chuyển sang: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ,.....(ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):.....đồng.

PHÒNG LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Lập 04 liên (Liên 1: Lưu UBND cấp xã, có chữ ký của các hộ gia đình tại cột 8; Liên 2 gửi phòng TCKH; Liên 3 gửi phòng LĐTĐBXH; Liên 4 gửi KBNN cấp huyện)

**BÁO CÁO
KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN
HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Quý Năm.....

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: đồng
2. Kinh phí thực nhận kỳ này:..... đồng
3. Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này:..... đồng
4. Kinh phí đã sử dụng trong kỳ: :..... đồng

STT	Tên thôn, ấp, bản	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (Đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4	5
1-	Thôn A					
2-	Bản B					
....					
	Tổng số					

Tổng số lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện đã nhận tiền kỳ này: hộ; tổng số tiền (Viết bằng chữ) :..... đồng. Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền kỳ này: hộ.

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các kỳ trước chuyển sang: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ... (ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện chưa nhận tiền lũy kế đến kỳ này: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ... (ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

5. Kinh phí giảm kỳ này (nộp trả, giảm khác) :..... đồng
6. Kinh phí chưa sử dụng cuối kỳ này:..... đồng

NGƯỜI CHI TRẢ
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO
KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN
HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Quý Năm.....

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: đồng
2. Kinh phí thực nhận kỳ này:..... đồng
3. Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này:..... đồng
4. Kinh phí đã sử dụng trong kỳ: :..... đồng

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (Đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4	5
1-	Xã A					
2-	Phường B					
....					
	Tổng số					

Tổng số lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện đã nhận tiền kỳ này: hộ; tổng số tiền (Viết bằng chữ) :..... đồng. Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền kỳ này: hộ.

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các kỳ trước chuyển sang: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ... (ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện chưa nhận tiền lũy kế đến kỳ này: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ... (ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

5. Kinh phí giảm kỳ này (nộp trả, giảm khác) :..... đồng
6. Kinh phí chưa sử dụng cuối kỳ này:..... đồng

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm
CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO
KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN
HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Quý Năm.....

(Đính kèm Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: đồng
2. Kinh phí thực nhận kỳ này:..... đồng
3. Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này:..... đồng
4. Kinh phí đã sử dụng trong kỳ: :..... đồng

STT	Tên huyện, quận, thị xã, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm			Tổng số tiền hỗ trợ (Đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4	5
1-	Huyện A					
2-	Quận B					
....					
	Tổng số					

Tổng số lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện đã nhận tiền kỳ này: hộ; tổng số tiền (Viết bằng chữ) :..... đồng (gồm: NSTW.....đồng; NSĐP.....đồng). Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền kỳ này: hộ.
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các kỳ trước chuyển sang: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ... (ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện chưa nhận tiền lũy kế đến kỳ này: hộ, gồm: Kỳnăm.....là..... hộ... (ghi số hộ của từng kỳ chuyển sang).

5. Kinh phí giảm kỳ này (nộp trả, giảm khác) :..... đồng
6. Kinh phí chưa sử dụng cuối kỳ này:..... đồng

....., ngày tháng năm

SỞ TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

Số: 190 /2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện
cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 7 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Căn cứ Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện;

Sau khi có ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2096/LĐTĐ-BHXH-KHTC ngày 19 tháng 6 năm 2014, ý kiến của Bộ Công thương tại Công văn số 4478/BCT-ĐTĐL ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

2. Đối tượng được hỗ trợ tiền điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt là một trong những hộ gia đình sau:

a) Hộ nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có (Sau đây gọi là hộ nghèo); Trường hợp địa phương có hộ nghèo theo chuẩn quy định của địa phương cao hơn chuẩn hộ nghèo quốc gia thì thực hiện theo chuẩn hộ nghèo thực tế tại từng địa phương, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho số hộ nghèo có chuẩn nghèo cao hơn chuẩn quốc gia do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ

tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có, không thuộc diện hộ nghèo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (Sau đây gọi là hộ chính sách xã hội).

Điều 2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và thời gian thực hiện

1. Mỗi hộ nghèo và hộ chính sách xã hội chỉ được hưởng một mức hỗ trợ tiền điện. Mức hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành là 46.000 đồng/hộ/tháng. Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 tăng, giảm so với hiện hành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh kịp thời mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 đã điều chỉnh.

2. Phương thức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội: Chi trả trực tiếp theo hình thức hỗ trợ bằng tiền từng quý đến hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

3. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2014 theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội do ngân sách nhà nước đảm bảo theo nguyên tắc sau:

a) Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ 50% kinh phí cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%;

b) Ngân sách địa phương: Những địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%, cân đối ngân sách địa phương bố trí 50% kinh phí. Các địa phương còn lại, ngân sách địa phương tự đảm bảo. Đối với các địa phương có số hộ nghèo theo chuẩn nghèo của địa phương cao hơn chuẩn hộ nghèo quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cân đối ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho số hộ nghèo đó.

2. Kinh phí tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, ngành và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.